| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4 | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc |
|---|---|
| Số: 2504 /UBND-KT | *Quận 4, ngày 16 tháng 12 năm 2020* |

Người ký: Ủy ban Nhân dân Quận 4
Cơ quan: Thành phố Hồ Chí Minh
Thời gian ký: 18.12.2020 10:53:27 +07:00

V/v công khai số liệu dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 trình Hội đồng nhân dân Quận 4.

Kính gửi:
- Ủy ban nhân dân Thành phố;
- Sở Tài chính Thành phố.

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về điều chỉnh quyết toán chi ngân sách năm 2019; Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách của các cơ quan đơn vị thuộc Quận; Ước thực hiện thu chi ngân sách địa phương năm 2020; Phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2021; Sử dụng kết dư ngân sách Quận;

Ủy ban nhân dân Quận 4 thông báo công khai số liệu dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 của Quận trình Hội đồng nhân dân Quận 4.

*(Theo biểu chi tiết kèm theo)*

Giao Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thực hiện công khai trên trang thông tin điện tử Quận 4 theo quy định./.

***Nơi nhận :***
- Như trên;
- TT.UBND Quận 4;
- VP HĐ&UB: CVP;
- Phòng TC-KH Quận 4;
- Lưu: Vt.

**CHỦ TỊCH**

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4 T.P HỒ CHÍ MINH

**Lê Văn Chiến**

# BÁO CÁO THUYẾT MINH DỰ TOÁN THU-CHI NGÂN SÁCH NĂM 2021 CỦA QUẬN 4

*(Kèm theo Công văn số 2504 /UBND-KT ngày 16 tháng 12 năm 2020)*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2021;

Theo Tờ trình số 126/TTr-UBND ngày 11 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Quận 4 về điều chỉnh quyết toán chi ngân sách năm 2019; Điều chỉnh giảm dự toán chi ngân sách của các cơ quan đơn vị thuộc Quận; Ước thực hiện thu chi ngân sách địa phương năm 2020; Phân bổ dự toán thu chi ngân sách năm 2021; Sử dụng kết dư ngân sách Quận;

Ủy ban nhân dân Quận 4 thuyết minh dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 của Quận trình Hội đồng nhân dân Quận 4 như sau:

**1. Tổng thu ngân sách nhà nước:** 1.227 tỷ đồng, giảm 14,14% tương ứng giảm 202 tỷ đồng so với dự toán thu năm 2020 (1.429 tỷ đồng)

**2. Tổng thu ngân sách địa phương:** 656,74 tỷ đồng giảm 7,58% tương ứng giảm 53,849 tỷ đồng so với dự toán thu năm 2020 (710,589 tỷ đồng):

***2.1.*** Tổng thu điều tiết ngân sách 146,274 tỷ đồng, giảm 15,53% tương ứng giảm 26,885 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (173,159 tỷ đồng), trong đó:

+ Thuế công thương nghiệp ngoài quốc doanh: 109,8 tỷ đồng, giảm 17,12% tương ứng giảm 22,68 tỷ so với dự toán năm 2020 (132,48 tỷ đồng).

+ Lệ phí trước bạ nhà, đất: 8,036 tỷ đồng, giảm 24,62% tương ứng giảm 2,624 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (10,66 tỷ đồng).

+ Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp: 7 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2020

+ Phí-Lệ phí: 5,271 tỷ đồng, giảm 23,07% tương ứng giảm 1,581 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (6,852 tỷ đồng)

+ Lệ phí Môn bài: 8,7 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2020

+ Thu khác : 7,467 tỷ đồng, bằng dự toán năm 2020

***2.2.*** Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên: 465,130 tỷ đồng, tăng 2,63% tương ứng tăng 11,91 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (453,22 tỷ đồng).

***2.3.*** Nguồn CCTL dùng để cân đối chi thường xuyên: 45,336 tỷ đồng

**3. Tổng chi ngân sách địa phương:** 656,74 tỷ đồng giảm 7,58% tương ứng giảm 53,849 tỷ đồng so với dự toán chi năm 2020 (710,589 tỷ đồng), cụ thể:

***3.1. Sự nghiệp kinh tế:*** 70,358 tỷ đồng, giảm 9,39% tương ứng giảm 7,293 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (77,651 tỷ đồng): do giảm kinh phí kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất, giảm kinh phí phân loại chất thải rắn tại nguồn 15 phường

***3.2. Sự nghiệp giáo dục – đào tạo:*** 261,146 tỷ đồng, tăng 3,41% tương ứng tăng 8,618 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (252,528 tỷ đồng) do tăng biên chế trường chuyên biệt 1 tháng 6, tăng kinh phí phụ cấp ưu đãi

***3.3. Sự nghiệp y tế:*** 25,104 tỷ đồng, giảm 63,34% tương ứng giảm 43,366 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (68,47 tỷ đồng) do giảm kinh phí Trung tâm y tế Quận giao về Sở Y tế, kinh phí chi Chương trình Dân số - Kế hoạch hóa gia đình từ nguồn NSTƯ và NSTP

***3.4. Sự nghiệp văn hóa thông tin:*** 5,457 tỷ đồng, giảm 0,44% tương ứng giảm 0,024 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (5,481 tỷ đồng), giảm kinh phí Nghị quyết 03 do giảm hệ số lương.

***3.5. Sự nghiệp thể dục thể thao:*** 2,169 tỷ đồng, giảm 2,29% tương ứng giảm 0,051 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (2,22 tỷ đồng), giảm kinh phí Nghị quyết 03 do giảm hệ số lương.

***3.6. Sự nghiệp xã hội:*** 58,814 tỷ đồng, tăng 1,94% tương ứng tăng 1,122 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (57,692 tỷ đồng) do tăng số lượng đối tượng trợ cấp hàng tháng.

***3.7. Quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể:*** 175,041 tỷ đồng, giảm 5,55% tương ứng giảm 10,286 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (185,327 tỷ đồng) do giảm biên chế không chuyên trách khối phường theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ

***3.8. Quốc phòng an ninh:*** 36,733 tỷ đồng, giảm 6,87% tương ứng giảm 2,708 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (39,442 tỷ đồng) do giảm biên chế không chuyên trách khối phường theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ, điều chuyển và thôi việc

***3.9. Chi khác:*** 8,73 tỷ đồng, tăng 1,63% tương ứng tăng 0,14 tỷ đồng so với dự toán năm 2020 (8,59 tỷ đồng).

***3.10. Dự phòng:*** 13,188 tỷ đồng bằng dự toán năm 2020

Trên đây là thuyết minh công khai dự toán thu-chi ngân sách năm 2021 của Quận trình Hội đồng nhân dân Quận 4.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Biểu số 69/CK-NSNN

# CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2021

*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2020 | Ước thực hiện năm 2020 | Dự toán năm 2021 | So sánh (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 5=3/1 |
| **A** | **TỔNG NGUỒN THU NSĐP** | **710.589** | **1.041.000** | **656.740** | ***92,42*** |
| **I** | ***Thu NSĐP được hưởng theo phân cấp*** | ***173.159*** | ***149.460*** | ***146.274*** | ***84,47*** |
| - | Thu NSĐP hưởng 100% | 40.679 | 38.220 | 36.474 | *89,66* |
| - | Thu NSĐP hưởng từ các khoản thu phân chia | 132.480 | 111.240 | 109.800 | *82,88* |
| **II** | ***Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên*** | ***453.220*** | ***465.948*** | ***465.130*** | ***102,63*** |
| 1 | Thu bổ sung cân đối ngân sách | 452.169 | 401.874 | 465.130 | *102,87* |
| 2 | Thu bổ sung có mục tiêu | 1.051 | 64.074 | | |
| **III** | ***Thu viện trợ*** | | | | |
| **IV** | ***Thu kết dư*** | | ***294.910*** | | |
| **V** | ***Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang*** | | ***130.682*** | | |
| **VI** | ***Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi TX*** | ***84.210*** | | ***45.336*** | |
| **B** | **TỔNG CHI NSĐP** | **710.589** | **604.035** | **656.740** | **92,42** |
| **I** | ***Tổng chi cân đối NSĐP*** | ***706.872*** | ***601.318*** | ***656.740*** | ***92,91*** |
| 1 | Chi đầu tư phát triển (1) | | 15.000 | | |
| 2 | Chi thường xuyên | 693.684 | 578.988 | 643.552 | ***92,77*** |
| 3 | Dự phòng ngân sách | 13.188 | 7.330 | 13.188 | ***100,00*** |
| 4 | Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương | | | | |
| **II** | ***Chi các chương trình mục tiêu*** | ***3.717*** | ***2.717*** | - | - |
| | Chi các chương trình mục tiêu quốc gia | 3.717 | 2.717 | | - |
| **III** | ***Chi chuyển nguồn sang năm sau*** | | | | |
| **IV** | ***Chi viện trợ*** | | - | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Biểu số 70/CK-NSNN

# CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH QUẬN VÀ NGÂN SÁCH PHƯỜNG NĂM 2021

*( Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán năm 2020 | Ước thực hiện năm 2020 | Dự toán năm 2021 | So sánh (%) |
|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4=3/1 |
| **A** | **NGÂN SÁCH CẤP QUẬN** | | | | |
| ***I*** | ***Nguồn thu ngân sách*** | ***691.265*** | ***975.699*** | ***625.208*** | ***90,44*** |
| 1 | Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp | 159.000 | 134.820 | 133.213 | ***83,78*** |
| 2 | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 453.220 | 465.948 | 465.130 | ***102,63*** |
| - | Thu bổ sung cân đối ngân sách | 452.169 | 401.874 | 465.130 | ***102,87*** |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | 1.051 | 64.074 | | |
| 3 | Thu viện trợ | | | | |
| 4 | Thu kết dư | | 259.652 | | |
| 5 | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | 115.279 | | |
| 6 | Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi TX | 79.045 | | 26.865 | |
| ***II*** | ***Chi ngân sách*** | ***691.265*** | ***614.767*** | ***625.208*** | ***90,44*** |
| 1 | Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp quận | 542.805 | 474.655 | 501.356 | ***92,36*** |
| 2 | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | 148.461 | 140.112 | 123.852 | ***83,42*** |
| - | Chi bổ sung cân đối ngân sách | 148.461 | 138.632 | 123.852 | ***83,42*** |
| - | Chi bổ sung có mục tiêu | | 1.480 | | |
| 3 | Chi viện trợ | | - | | |
| 4 | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | | | |
| **B** | **NGÂN SÁCH PHƯỜNG** | | | | |
| ***I*** | ***Nguồn thu ngân sách*** | ***167.784*** | ***205.413*** | ***155.384*** | ***92,61*** |
| 1 | Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp | 14.159 | 14.640 | 13.061 | ***92,25*** |
| 2 | Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên | 148.461 | 140.112 | 123.852 | ***83,42*** |
| - | Thu bổ sung cân đối ngân sách | 148.461 | 138.632 | 123.852 | ***83,42*** |
| - | Thu bổ sung có mục tiêu | | 1.480 | | |
| 3 | Thu viện trợ | | | | |
| 4 | Thu kết dư | | 35.259 | | |
| 5 | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang | | 15.403 | | |
| 6 | Nguồn CCTL còn lại dùng cân đối chi TX | 5.165 | | 18.471 | |
| ***II*** | ***Chi ngân sách*** | ***167.784*** | ***129.380*** | ***155.384*** | ***92,61*** |
| 1 | Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp phường | 167.784 | 129.380 | 155.384 | ***92,61*** |
| 2 | Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới | | | | |
| 3 | Chi viện trợ | | - | | |
| 4 | Chi chuyển nguồn sang năm sau | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Biểu số 71/CK-NSNN

# DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

*( Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Ước thực hiện năm 2019 | | Dự toán năm 2020 | | So sánh (%) | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | Tổng thu NSNN | Thu NSĐP | Tổng thu NSNN | Thu NSĐP | Tổng thu NSNN | Thu NSĐP |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5=3/1 | 6=4/2 |
| | **TỔNG THU NSNN** | **1.147.000** | **149.460** | **1.227.000** | **146.274** | **106,97** | **97,87** |
| 1 | Thuế Giá trị gia tăng | 397.000 | 68.400 | 400.000 | 71.100 | 100,76 | 103,95 |
| 2 | Thuế Thu nhập Doanh nghiệp | 238.000 | 42.840 | 265.000 | 38.700 | 111,34 | 90,34 |
| 3 | Thuế Tiêu thụ đặc biệt | 5.000 | | 5.000 | | 100,00 | |
| 4 | Thuế thu nhập cá nhân | 260.000 | | 270.000 | | | |
| 5 | Lệ phí trước bạ | 81.000 | 8.915 | 98.000 | 8.036 | 120,99 | 90,14 |
| 6 | Thu phí, lệ phí | 26.875 | 4.572 | 31.300 | 5.271 | 116,47 | 115,29 |
| 7 | Lệ phí Môn bài | 9.125 | 9.125 | 8.700 | 8.700 | | |
| 8 | Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp | 8.000 | 8.000 | 7.000 | 7.000 | | |
| 9 | Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước | 88.000 | | 92.000 | | 104,55 | |
| 10 | Thu tiền sử dụng đất | 5.000 | | 20.000 | | 400,00 | |
| 11 | Thu khác | 29.000 | 7.608 | 30.000 | 7.467 | 103,45 | 98,15 |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4 | Biểu số 72/CK-NSNN

# DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG, CHI NGÂN SÁCH QUẬN VÀ CHI NGÂN SÁCH PHƯỜNG THEO CƠ CẤU CHI NĂM 2021

*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Ngân sách địa phương | Chia ra | |
|---|---|---|---|---|
| | | | Ngân sách Quận | Ngân sách Phường |
| A | B | 1=2+3 | 2 | 3 |
| | **TỔNG CHI NSĐP** | **656.740** | **625.208** | **155.384** |
| **A** | **CHI CÂN ĐỐI NSĐP** | **656.740** | **625.208** | **155.384** |
| ***I*** | ***Chi đầu tư phát triển*** | **-** | **-** | **-** |
| 1 | Chi đầu tư cho các dự án | | | |
| | *Trong đó: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề* | | | |
| ***II*** | ***Chi thường xuyên*** | ***643.552*** | ***491.215*** | ***152.337*** |
| | *Trong đó: Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề* | 261.146 | 260.771 | 375 |
| ***III*** | ***Bổ sung ngân sách cấp dưới*** | | ***123.852*** | |
| ***IV*** | ***Dự phòng ngân sách*** | ***13.188*** | ***10.141*** | ***3.047*** |
| **B** | **CHI CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU** | **-** | **-** | **-** |
| | - CTMTQG về DSKHHGĐ&TE | - | - | |
| **C** | **CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU** | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Biểu số 73/CK-NSNN

# DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nội dung | Dự toán |
|---|---|---|
| A | B | 1 |
| | **TỔNG CHI QUẬN** | **625.208** |
| **A** | **CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG** | **123.852** |
| **B** | **CHI NGÂN SÁCH QUẬN THEO LĨNH VỰC** | **501.356** |
| ***I*** | ***Chi đầu tư phát triển*** | - |
| ***II*** | ***Chi thường xuyên*** | ***491.215*** |
| - | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | 260.771 |
| - | Chi quốc phòng, an ninh và trật tự an toàn xã hội | 6.000 |
| - | Chi y tế, dân số và gia đình | 24.729 |
| - | Chi văn hóa thông tin | 5.082 |
| - | Chi thể dục thể thao | 1.794 |
| - | Chi các hoạt động kinh tế | 67.505 |
| - | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể | 64.167 |
| - | Chi bảo đảm xã hội | 55.267 |
| - | Chi thường xuyên khác | 5.900 |
| ***III*** | ***Dự phòng ngân sách*** | ***10.141*** |
| **C** | **CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU** | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Biểu số 74/CK-NSNN

# DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM 2021

*( Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG | CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG) | CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH | CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG | CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG | | | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | CHI THƯỜNG XUYÊN | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| | **TỔNG SỐ** | **625.208** | **0** | **615.067** | **10.141** | - | - | - | - | - |
| **I** | **CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC** | **491.215** | **0** | **491.215** | - | - | - | - | - | - |
| 1 | Văn phòng HĐND & UBND | 12.151 | | 12.151 | | | | | | |
| 2 | Phòng Tư pháp | 1.890 | | 1.890 | | | | | | |
| 3 | Phòng TC-KH | 2.484 | | 2.484 | | | | | | |
| 4 | Phòng LĐ-TB-XH | 62.965 | | 62.965 | | | | | | |
| 5 | Phòng VH - TT | 1.844 | | 1.844 | | | | | | |
| 6 | Phòng Tài nguyên - Môi trường | 3.664 | | 3.664 | | | | | | |
| 7 | Phòng Nội vụ | 5.011 | | 5.011 | | | | | | |
| 8 | Phòng Giáo dục | 255.886 | | 255.886 | | | | | | |
| 9 | Thanh tra | 1.723 | | 1.723 | | | | | | |
| 10 | Phòng Kinh tế | 3.955 | | 3.955 | | | | | | |
| 11 | Phòng Quản lý đô thị | 7.752 | | 7.752 | | | | | | |
| 12 | Phòng y tế | 2.063 | | 2.063 | | | - | | | |
| 13 | UBND Quận | 11.945 | | 11.945 | | | | | | |
| 14 | Trung tâm GDNN-GDTX | 6.032 | | 6.032 | | | | | | |
| 15 | Trung tâm BDCT | 1.499 | | 1.499 | | | | | | |
| 16 | Trung tâm văn hoá | 3.368 | | 3.368 | | | | | | |
| 17 | Nhà thiếu nhi quận | 1.784 | | 1.784 | | | | | | |

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG | CHI THƯỜNG XUYÊN (KHÔNG KỂ CHƯƠNG TRÌNH MTQG) | CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH | CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG | CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG | | | CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | | | TỔNG SỐ | CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN | CHI THƯỜNG XUYÊN | |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 |
| 18 | Trung tâm TDTT | 1.794 | | 1.794 | | | | | | |
| 19 | UB Mặt trận tổ quốc | 2.916 | | 2.916 | | | | | | |
| 20 | Quận đoàn | 2.336 | | 2.336 | | | | | | |
| 21 | Hội Liên hiệp phụ nữ | 2.472 | | 2.472 | | | | | | |
| 22 | Hội Cựu chiến binh | 1.332 | | 1.332 | | | | | | |
| 23 | Hội Chữ thập đỏ | 723 | | 723 | | | | | | |
| 24 | Quận đội | 3.422 | | 3.422 | | | | | | |
| 25 | Công an quận | 2.394 | | 2.394 | | | | | | |
| 26 | Khối nội chính | 1.565 | | 1.565 | | | | | | |
| 27 | Hội đặc thù | 1.158 | | 1.158 | | | | | | |
| 28 | Bảo hiểm xã hội | 0 | | - | | | | | | |
| 29 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu v | 0 | | - | | | | | | |
| **II** | **CHI DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH** | **10.141** | | | **10.141** | | | | | |
| **III** | **CHI TẠO NGUỒN ĐIỀU CHỈNH TIỀN LƯƠNG** | | | | | | | | | |
| **IV** | **CHO BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU CHO NGÂN SÁCH PHƯỜNG** | **123.852** | | **123.852** | | | | | | |
| **V** | **CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NGÂN SÁCH NĂM SAU** | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Biểu số 75/CK-NSNN

# DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CỦA NGÂN SÁCH QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2021

*( Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

| STT | TÊN ĐƠN VỊ | TỔNG SỐ | TRONG ĐÓ | | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | CHI GIÁO DỤC-ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ | CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH | CHI VĂN HÓA THÔNG TIN | CHI THỂ DỤC THỂ THAO | CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ | CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ | CHI AN NINH QUỐC PHÒNG | Chi đầu tư khác |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 9 | 10 | 11 |
| | **TỔNG SỐ** | **73.396** | **23.580** | **5.090** | **5.542** | **0** | **21.220** | **8.666** | **2.716** | **6.583** |
| 1 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 4 | 73.396 | 23.580 | 5.090 | 5.542 | | 21.220 | 8.666 | 2.716 | 6.583 |
| | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Biểu số 76/CK-NSNN

# DỰ TOÁN CHI THƯỜNG XUYÊN CỦA NGÂN SÁCH QUẬN CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2020

*( Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Tên đơn vị | Tổng số | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | Chi quốc phòng | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | Chi y tế, dân số và gia đình | Chi văn hóa thông tin | Chi thể dục thể thao | Chi các hoạt động kinh tế | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, | Chi bảo đảm xã hội | Chi thường xuyên khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| | **TỔNG SỐ** | **491.215** | **260.771** | **3.800** | **2.200** | **24.729** | **5.082** | **1.794** | **67.505** | **64.167** | **55.267** | **5.900** |
| 1 | Văn phòng HĐND & UBND | 12.151 | | | | | | | | 11.771 | | 380 |
| 2 | Phòng Tư pháp | 1.890 | | | | | | | 40 | 1.830 | | 20 |
| 3 | Phòng TC-KH | 2.484 | | | | | | | | 2.484 | | |
| 4 | Phòng LĐ-TB-XH | 62.965 | 572 | | | 5.258 | | | | 2.912 | 53.923 | 300 |
| 5 | Phòng VH - TT | 1.844 | | | | | | | | 1.844 | | |
| 6 | Phòng Tài nguyên - Môi trường | 3.664 | | | | | | | 505 | 3.115 | | 44 |
| 7 | Phòng Nội vụ | 5.011 | 200 | | | | | | | 4.771 | | 40 |
| 8 | Phòng Giáo dục | 255.886 | 252.468 | | | | | | | 3.418 | | |
| 9 | Thanh tra | 1.723 | | | | | | | | 1.723 | | |
| 10 | Phòng Kinh tế | 3.955 | | | | | | | | 3.955 | | |
| 11 | Phòng Quản lý đô thị | 7.752 | | | | | | | | 6.297 | | 1.455 |
| 12 | Phòng y tế | 2.063 | | 378 | | | | | | 1.685 | | |
| 13 | UBND Quận (Chi khác) | 11.945 | | | | | | | 2.266 | 7.482 | 100 | 2.097 |
| 14 | Trung tâm GDNN-GDTX | 6.032 | 6.032 | | | | | | | | | |
| 15 | Trung tâm BDCT | 1.499 | 1.499 | | | | | | | | | |
| 16 | Trung tâm văn hoá | 3.368 | | | | | 3.298 | | 70 | | | |
| 17 | Nhà thiếu nhi quận | 1.784 | | | | | 1.784 | | | | | |

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Tên đơn vị | Tổng số | Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề | Chi quốc phòng | Chi an ninh và trật tự an toàn xã hội | Chi y tế, dân số và gia đình | Chi văn hóa thông tin | Chi thể dục thể thao | Chi các hoạt động kinh tế | Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, | Chi bảo đảm xã hội | Chi thường xuyên khác |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 |
| 18 | Trung tâm TDTT | 1.794 | | | | | | 1.794 | | | | |
| 19 | UB Mặt trận tổ quốc | 2.916 | | | | | | | | 2.916 | | |
| 20 | Quận đoàn | 2.336 | | | | | | | 30 | 2.306 | | |
| 21 | Hội Liên hiệp phụ nữ | 2.472 | | | | | | | 30 | 2.442 | | |
| 22 | Hội Cựu chiến binh | 1.332 | | | | | | | | 1.332 | | |
| 23 | Hội Chữ thập đỏ | 723 | | | | | | | | 723 | | |
| 24 | Quận đội | 3.422 | | 3.422 | | | | | | | | |
| 25 | Công an quận | 2.394 | | | 2.200 | | | | 194 | | | |
| 26 | Khối nội chính | 1.565 | | | | | | | | | | 1.565 |
| 27 | Hội đặc thù | 1.158 | | | | | | | | 1.158 | | |
| 28 | Bảo hiểm xã hội | 20.715 | | | | 19.471 | | | | | 1.244 | |
| 29 | Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng khu vực Quận 4 | 64.370 | | | | | | | 64.370 | | | |
| | | | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

**Biểu số 77/CK-NSNN**

# DỰ TOÁN THU, SỐ BỔ SUNG VÀ DỰ TOÁN CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH TỪNG PHƯỜNG NĂM 2021

*( Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Tên đơn vị | Tổng thu NSNN trên địa bàn | Thu ngân sách phường được hưởng theo | | | Số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên | Số bổ sung thực hiện cải cách tiền lương | Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển | Tổng chi cân đối NSĐP |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Tổng số | Chia ra | | | | | |
| | | | | Thu ngân sách phường hưởng 100% | Thu ngân sách phường hưởng từ các khoản thu phân chia | | | | |
| A | B | 1 | 2=3+4 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8=2+5+6+7 |
| | **TỔNG SỐ** | **13.061** | **13.061** | **13.061** | **-** | **123.852** | **18.471** | **-** | **155.384** |
| 1 | UBND Phường 1 | 762 | 762 | 762 | | 7.432 | 1.118 | | 9.312 |
| 2 | UBND Phường 2 | 541 | 541 | 541 | | 8.407 | 1.182 | | 10.130 |
| 3 | UBND Phường 3 | 603 | 603 | 603 | | 8.731 | 1.241 | | 10.575 |
| 4 | UBND Phường 4 | 1.146 | 1.146 | 1.146 | | 8.118 | 1.540 | | 10.803 |
| 5 | UBND Phường 5 | 530 | 530 | 530 | | 8.129 | 633 | | 9.292 |
| 6 | UBND Phường 6 | 905 | 905 | 905 | | 8.419 | 951 | | 10.275 |
| 7 | UBND Phường 8 | 729 | 729 | 729 | | 9.427 | 1.005 | | 11.161 |
| 8 | UBND Phường 9 | 641 | 641 | 641 | | 8.752 | 1.020 | | 10.413 |
| 9 | UBND Phường 10 | 482 | 482 | 482 | | 8.638 | 800 | | 9.921 |
| 10 | UBND Phường 12 | 3.192 | 3.192 | 3.192 | | 4.754 | 2.194 | | 10.140 |
| 11 | UBND Phường 13 | 858 | 858 | 858 | | 8.029 | 1.394 | | 10.281 |
| 12 | UBND Phường 14 | 658 | 658 | 658 | | 9.050 | 1.070 | | 10.778 |
| 13 | UBND Phường 15 | 680 | 680 | 680 | | 8.864 | 1.150 | | 10.695 |
| 14 | UBND Phường 16 | 603 | 603 | 603 | | 9.909 | 911 | | 11.423 |
| 15 | UBND Phường 18 | 730 | 730 | 730 | | 7.194 | 2.263 | | 10.186 |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

**Biểu số 79/CK-NSNN**

# DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NGÂN SÁCH CẤP QUẬN NĂM 2021

*( Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Tên đơn vị | Tổng số | Trong đó | | Chương trình mục tiêu quốc gia DSKHHGĐ và TE | | | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | Đầu tư phát triển | Kinh phí sự nghiệp | Tổng số | Đầu tư phát triển | | | Kinh phí sự nghiệp | | |
| | | | | | | Tổng số | Vốn trong nước | Vốn ngoài nước | Tổng số | Vốn trong nước | Vốn ngoài nước |
| A | B | 1= 2+3 | 2=5 | 3=8 | 4=5+8 | 5=6+7 | 6 | 7 | 8=9+10 | 9 | 10 |
| | **TỔNG SỐ** | - | - | - | - | - | - | - | - | - | - |
| I | ***Ngân sách cấp Quận*** | - | | - | - | | | | - | - | |
| 1 | Phòng Y tế | - | | - | - | | | | - | - | |
| | | | | | | | | | | | |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4

Biểu số 80/CK-NSNN

# DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

*(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)*

*ĐVT: Triệu đồng*

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công-hoàn thành | Quyết định đầu tư | | | | | Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công | | | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020 | | | | | Kế hoạch vốn năm 2021 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư được duyệt | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | |
| | | | | | | Tổng số (Tất cả các nguồn vốn | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| | **Tổng số** | | | | | 359.897 | | | | 359.897 | | | | | | | | | | | 73.396 | | | | 73.396 |
| **A** | **Phân cấp chung** | | | | | **231.129** | | | | **231.129** | | | | | | | | | | | **24.296** | | | | **24.296** |
| | ***Công trình chuyển tiếp:*** | | | | | ***39.730*** | | | | ***39.730*** | | | | | | | | | | | ***20.028*** | | | | ***20.028*** |
| 1 | Xây dựng mới Trường Mầm non 12 | Quận 4 | DTKV: 750,6 m2<br>DTXD: 423 m2<br>08 phòng học và các phòng chức năng khác | 2017-2020 | 2635/QĐ-UBND-TH 26/10/2016 | 36.630 | | | | 36.630 | | | | | | | | | | | 20.000 | | | | 20.000 |
| 2 | Xây dựng mới trụ sở Ban Chỉ huy Quân sự phường 15 | Quận 4 | 04 tầng (01 trệt + 03 lầu) | | 2697/QĐ-UBND-TH 28/10/2016 | 3.100 | | | | 3.100 | | | | | | | | | | | 28 | | | | 28 |
| | ***Công trình khởi công mới:*** | | | | | ***2.678*** | | | | ***2.678*** | | | | | | | | | | | ***2.678*** | | | | ***2.678*** |
| 1 | Sửa chữa trụ sở Ban Chỉ huy quân sự Phường 4 | 270 Tôn Đản, Phường 4, Quận 4 | Sửa chữa trụ sở với quy mô 2 tầng, diện tích khu đất 233,7m2; Diện tích xây dựng 158,2m2 | 2020-2021 | | 677 | | | | 677 | | | | | | | | | | | 677 | | | | 677 |
| 2 | Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban Chỉ huy quân sự Phường 5 | 130 Đường số 46, Phường 5, Quận 4 | Sửa chữa trụ sở với quy mô 4 tầng, diện tích khu đất 66,3m2; Diện tích sàn xây dựng 254,5m2 | 2020-2021 | | 276 | | | | 276 | | | | | | | | | | | 276 | | | | 276 |
| 3 | Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban Chỉ huy quân sự Phường 8 | 202 Tôn Đản, Phường 8, Quận 4 | Sửa chữa trụ sở với quy mô 2 tầng, diện tích khu đất 78,2m2; Diện tích sàn xây dựng 156,4m2 | 2020-2021 | | 398 | | | | 398 | | | | | | | | | | | 398 | | | | 398 |
| 4 | Sửa chữa, cải tạo trụ sở Ban Chỉ huy quân sự Phường 10 | 130 Tôn Đản, Phường 10, Quận 4 | Sửa chữa trụ sở với quy mô 2 tầng, diện tích khu đất 62,7m2; Diện tích sàn xây dựng 113,92m2 | 2020-2021 | | 627 | | | | 627 | | | | | | | | | | | 627 | | | | 627 |
| 5 | Sửa chữa trụ sở Ban Chỉ huy quân sự Phường 13 | 190 Nguyễn Tất Thành, Phường 13, Quận 4 | Sửa chữa trụ sở với quy mô 2 tầng, diện tích khu đất 94m2; Diện tích sàn xây dựng 178,77m2 | 2020-2021 | | 500 | | | | 500 | | | | | | | | | | | 500 | | | | 500 |
| 6 | Mua sắm thiết bị phục vụ Ban Chỉ huy quân sự Phường 14 và Phường 18 | Phường 14, Phường 18, Quận 4 | Mua sắm trang thiết bị | 2020-2021 | | 200 | | | | 200 | | | | | | | | | | | 200 | | | | 200 |
| | ***Công trình chuẩn bị đầu tư*** | | | | | 188.721 | | | | 188.721 | | | | | | | | | | | 1.590 | | | | 1.590 |
| 1 | Sửa chữa Trường Tiểu học Đống Đa | Quận 4 | Sửa chữa lớn toàn bộ trường<br>DTKV: 1.135,29m2; DTXD: 610m2<br>TDTSXD: 1154,63m2<br>2 tầng (01 trệt + 1 lầu) | 2021-2022 | | 3.000 | | | | 3.000 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 2 | Sửa chữa Trường Tiểu học Lý Nhơn | Quận 4 | Sửa chữa trường tiểu học Lý Nhơn với quy mô 04 tầng (Trệt + 03 lầu + mái tôn); Diện tích khuôn viên: 1583,0m2; Diện tích xây dựng 647,0m2, Tổng diện tích sàn 2588,0m2 | 2021-2022 | | 4.200 | | | | 4.200 | | | | | | | | | | | 150 | | | | 150 |
| 3 | Xây dựng mới Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 8 | Quận 4 | 4 tầng (1 hầm + 1 trệt + 3 lầu); Diện tích khuôn viên: 500m2; Diện tích xây dựng: 300m2; Diện tích sàn xây dựng: 1.500m2; | 2021-2023 | | 19.500 | | | | 19.500 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 4 | Sửa chữa Trường Mầm non 8 | Quận 4 | Sửa chữa trường Mầm non 8 với quy mô 01 tầng (tầng trệt Cư Xá Vĩnh Hội tại 02 điểm V47-48, U 14 ), Diện tích xây dựng 112 m2, tổng diện tích sàn 112m2 (4x14) | 2021-2022 | | 300 | | | | 300 | | | | | | | | | | | 10 | | | | 10 |
| 5 | Xây dựng mở rộng khu vực sân chơi Trường Mầm non 12 | Quận 4 | Thu hồi 97m2, 3 trường hợp | 2021-2022 | | 17.700 | | | | 17.700 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 6 | Sửa chữa Trung tâm bồi dưỡng chính trị Quận 4 | Quận 4 | Sửa chữa | 2021-2022 | | 469 | | | | 469 | | | | | | | | | | | 20 | | | | 20 |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công-hoàn thành | Quyết định đầu tư | | | | | | Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công | | | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020 | | | | | Kế hoạch vốn năm 2021 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư được duyệt | | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | |
| | | | | | | Tổng số (Tất cả các nguồn vốn | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| 7 | Cải tạo mảng xanh đường Nguyễn Trường Tộ và đường Lê Văn Linh | Quận 4 | Cải tạo | 2021-2022 | | 575 | | | | 575 | | | | | | | | | | | 20 | | | | 20 |
| 8 | Mở rộng hẻm C13 Tôn Đản và thay mới đường cống thoát nước trước hẻm 315 Tôn Thất Thuyết | Quận 4 | Sửa chữa | 2021-2022 | | 545 | | | | 545 | | | | | | | | | | | 20 | | | | 20 |
| 9 | Xây dựng mới Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 1 | Quận 4 | 1 trệt + 3 lầu + tầng hầm; Diện tích khuôn viên 656,5m2; Diện tích xây dựng 350 m2 | 2021-2023 | | 22.740 | | | | 22.740 | | | | | | | | | | | 50 | | | | 50 |
| 10 | Xây dựng mới Trạm Y tế Phường 1 | Quận 4 | 1 trệt + 2 lầu; Diện tích khuôn viên 508m2; Diện tích xây dựng 247 m2 | 2021-2023 | | 12.432 | | | | 12.432 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 11 | Xây dựng mới Công viên Đài liệt sĩ Phường 18 Quận 4 | Quận 4 | Xây dựng công viên Đài liệt sĩ phường 18 Quận 4 với quy mô.<br>- Diện tích khuôn viên: 3.372 m2;<br>- Diện tích khuôn viên công trình chính (tượng đài) 300m2<br>- Diện tích quảng trường: 500m2<br>- Tạo lập cảnh quan, thảm cỏ, cây xanh, chiếu sáng cho công viên đài Liệt sĩ | 2021-2023 | | 14.000 | | | | 14.000 | | | | | | | | | | | 150 | | | | 150 |
| 12 | Xây dựng mới Công viên Phường 18 Quận 4 | Quận 4 | Diện tích khuôn viên: 8.225 m2; | 2021-2023 | | 5.500 | | | | 5.500 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 13 | Cải tạo xử lý ô nhiễm môi trường trạm Trung chuyển rác (giai đoạn 2) | Quận 4 | Xây nhà kín trạm trung chuyển | 2021-2023 | | 5.000 | | | | 5.000 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 14 | Sửa chữa các hẻm trên địa bàn Quận 4 (gồm 3 hẻm Phường 1, 1 hẻm Phường 2, 1 hẻm Phường 4, 2 hẻm Phường 6, 4 hẻm Phường 12, 1 hẻm Phường 14, 1 hẻm Phường 15, 1 hẻm Phường 16, 3 hẻm Phường 18) | Quận 4 | Diện tích sửa chữa 10.854 m2 | 2021-2022 | | 4.350 | | | | 4.350 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 15 | Sửa chữa, nâng cấp, giảm ngập đường Vĩnh Hội nối dài (đoạn trước lô B1 Chung cư Phường 3, Quận 4) | Quận 4 | Diện tích sửa chữa 2.434 m2; | 2021-2022 | | 1.563 | | | | 1.563 | | | | | | | | | | | 20 | | | | 20 |
| 16 | Xây dựng mở rộng hẻm 129/186 Bến Vân Đồn để kết nối giao thông nội bộ ra đường số 41 | Quận 4 | Xây dựng mới | 2021-2023 | | 16.606 | | | | 16.606 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 17 | Sửa chữa trụ sở Ban chỉ huy quân sự Phường 12 | Quận 4 | Sửa chữa Ban chỉ huy quân sự Phường 12 với quy mô 04 tầng (trệt + lửng + 3 lầu BTCT, mái tôn)<br>- Diện tích khuôn viên: 28,3m2<br>diện tích xây dựng: 26,8m2<br>- Tổng diện tích sàn:124,2m2 | 2021-2022 | | 650 | | | | 650 | | | | | | | | | | | 10 | | | | 10 |
| 18 | Lắp đặt hệ thống camera trên địa bàn Quận 4 | Quận 4 | Lắp đặt hệ thống camera tại vị trí trước trụ sở cơ quan hành chính, sự nghiệp nhà nước, trường học trên địa bàn 15 phường, Quận 4: tổng số lượng camera là 234 camera + Thiết bị kết nối hệ thống camera + Thiết bị lưu trữ và quan sát + Hệ thống thiết bị, cable từ các cụm chính về Công an phường | 2021-2023 | | 29.135 | | | | 29.135 | | | | | | | | | | | 50 | | | | 50 |
| 19 | Sửa chữa Trung Tâm Y tế Quận 4 | Quận 4 | Sửa chữa lớn toàn trụ sở với quy mô 01 tầng (trệt ). Diện tích khuôn viên: 88,5m2; Diện tích xây dựng 88,5m2; Tổng diện tích sàn 346,8m2 | 2021-2023 | | 1.056 | | | | 1.056 | | | | | | | | | | | 20 | | | | 20 |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công-hoàn thành | Quyết định đầu tư | | | | | Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công | | | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020 | | | | | Kế hoạch vốn năm 2021 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư được duyệt | | | | | Chia theo nguồn vốn | | | | | Chia theo nguồn vốn | | | | | Chia theo nguồn vốn | | | |
| | | | | | | Tổng số (Tất cả các nguồn vốn | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | Tổng số | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | Tổng số | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | Tổng số | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| 20 | Sửa chữa Trường Mầm non 9 | Quận 4 | Sửa chữa lớn toàn bộ trường với quy mô 01 tầng (trệt ). Diện tích khuôn viên: 44m2; Diện tích xây dựng 37m2; Tổng diện tích sàn 37m2 | 2021-2022 | | 500 | | | | 500 | | | | | | | | | | | 20 | | | | 20 |
| 21 | Sửa chữa Trung tâm hành chính Quận 4 | Quận 4 | Sửa chữa công trình với quy mô 10 tầng (01 hầm + trệt + lửng + 9 lầu BTCT + mái BTCT) - Diện tích khuôn viên: 4394.0m2 -Diện tích xây dựng: 1235,6 m2. -Diện tích hầm: 3273,7m2 - TỔng diện tích sàn:13498,5m2 | 2021-2023 | | 10.000 | | | | 10.000 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 22 | Xây dựng mở rộng Trường Tiểu học Nguyễn Huệ 1 | Quận 4 | Di chuyển 1 phần với diện 648m2, mở rộng Trường làm sân chơi và lối thoát hiểm diện tích: 374m2 | 2021-2023 | | 9.300 | | | | 9.300 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 23 | Xây dựng mới Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 2 | Quận 4 | 4 tầng (1 hầm + 1 trệt + 3 lầu); Diện tích khuôn viên: 185,1m2; Diện tích xây dựng: 148,08m2; Diện tích sàn xây dựng: 740,40m2; | 2021-2023 | | 9.600 | | | | 9.600 | | | | | | | | | | | 50 | | | | 50 |
| **B** | **Vốn ngân sách Quận 4** | | | | | **37.091** | | | | **37.091** | | | | | | | | | | | **25.000** | | | | **25.000** |
| | **Công trình chuyển tiếp:** | | | | | **27.091** | | | | **27.091** | | | | | | | | | | | **24.700** | | | | **24.700** |
| 1 | Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 3 | Quận 4 | 1 trệt + 3 lầu ; Diện tích khuôn viên 319,79m2; Tổng diện tích sàn 1.030,49m2 | 2020-2021 | | 2.943 | | | | *2.943* | | | | | | | | | | | 2.843 | | | | *2.843* |
| 2 | Sửa chữa Trụ sở Ủy ban nhân dân Phường 9 | Quận 4 | Sửa chữa lớn toàn trụ sở với quy mô 3 tầng (trệt + 3 lầu +hầm). Diện tích khuôn viên: 251,67m2; Diện tích xây dựng 178,3m2; Tổng diện tích sàn 817,96m2 | 2020-2021 | | 1.972 | | | | *1.972* | | | | | | | | | | | 1.922 | | | | *1.922* |
| 3 | Sửa chữaTrụ sở Ủy ban nhân dân Phường 16 | Quận 4 | 1 trệt + 3 lầu ; Diện tích khuôn viên 258,769 | 2020-2021 | | 4.000 | | | | *4.000* | | | | | | | | | | | 3.900 | | | | *3.900* |
| 4 | Xây dựng hàng rào tại Phường 1, 2, 3, 5 thuộc dự án Công viên Cù lao Nguyễn Kiệu và Công viên Hồ Khánh Hội | Quận 4 | Phá tường nhà khu giải tỏa phường 1, 2, 3, 5 là 244 căn nhà; xây dựng hàng rào lưới B40 dài 438,66m | 2020-2021 | | 836 | | | | *836* | | | | | | | | | | | 816 | | | | *816* |
| 5 | Xây dựng một phần công viên cù lao Nguyễn Kiệu (giai đoạn 3). | Quận 4 | Xây dựng hàng rào lưới B40 dài 892,35m | 2020-2021 | | 1.197 | | | | *1.197* | | | | | | | | | | | 1.177 | | | | *1.177* |
| 6 | Sửa chữa Nhà thiếu nhi Quận 4 | Quận 4 | Sửa chữa lớn toàn trụ sở với quy mô 2 tầng (trệt + 1 lầu ). Diện tích khuôn viên: 3.280m2; Diện tích xây dựng 1.301m2; Tổng diện tích sàn 3.015m2 | 2020-2021 | | 5.642 | | | | *5.642* | | | | | | | | | | | 5.542 | | | | *5.542* |
| 7 | Xây dựng mới Trạm Y tế phường 18 | Quận 4 | Xây dựng mới 1 trệt + 3 lầu + hầm; DTKV: 80,5 m2; DTXD: 80,5m2 TDTSXD: 322 m2 | 2020-2021 | | 5.000 | | | | *5.000* | | | | | | | | | | | 4.450 | | | | *4.450* |
| 8 | Cải tạo xử lý ô nhiễm môi trường trạm Trung chuyển rác | Quận 4 | Xây dựng mở rộng | 2020-2021 | 2657/QĐ-UBND-TH 25/10/2018 | 5.500 | | | | *5.500* | | | | | | | | | | | 4.049 | | | | *4.049* |
| | **Công trình chuẩn bị đầu tư:** | | | | | **10.000** | | | | **10.000** | | | | | | | | | | | **300** | | | | **300** |
| 1 | Sửa chữa Nhà Tang lễ Quận 4 | Quận 4 | Sửa chữa nhà tang lễ Quận 4 với quy mô 02 tầng trong đó: - Diện tích xây dựng: 258m2 - Tổng Diện tích sàn: 516m2 | 2021-2023 | | 1.000 | | | | 1.000 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| 2 | Xây dựng mới Trạm Y tế phường 2 | Quận 4 | 1 trệt + 3 lầu; Diện tích khuôn viên 232,71m2; Diện tích xây dựng 100 m2 | 2021-2023 | | 5.000 | | | | 5.000 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |

| STT | Danh mục dự án | Địa điểm xây dựng | Năng lực thiết kế | Thời gian khởi công-hoàn thành | Quyết định đầu tư | | | | | | Giá trị khối lượng thực hiện từ khởi công | | | | | Lũy kế vốn đã bố trí đến 31/12/2020 | | | | | Kế hoạch vốn năm 2021 | | | | |
|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|---|
| | | | | | Số Quyết định, ngày tháng năm ban hành | Tổng mức đầu tư được duyệt | | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | | Tổng số | Chia theo nguồn vốn | | | |
| | | | | | | Tổng số (Tất cả các nguồn vốn | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN | | Ngoài nước | Ngân sách Trung ương | Ngân sách cấp tỉnh | Ngân sách CẤP QUẬN |
| A | B | 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 | 17 | 18 | 19 | 20 | 21 | 22 | 23 | 24 |
| 3 | Xây dựng mới Trạm Y tế phường 15 | Quận 4 | Xây dựng mới trạm y tế phường 15 với quy mô Trệt + 3 lầu; Diện tích khu đất: 174,8m2; Diện tích xây dựng 70 m2, tổng diện tích sàn 280m2 | 2021-2023 | | 4.000 | | | | 4.000 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |
| C | **Vốn ngân sách quận (từ các khoản đóng góp xây dựng cơ sở hạ tầng của các Doanh nghiệp trên địa bàn Quận 4)** | | | | | **91.677** | | | | **91.677** | | | | | | | | | | | **24.100** | | | | **24.100** |
| | **Công trình chuyển tiếp:** | | | | | **81.677** | | | | **81.677** | | | | | | | | | | | **21.000** | | | | **21.000** |
| 1 | Xây dựng mới đường Vĩnh Hội nối dài (từ chung cư Phường 3 đến trường THCS Quang Trung) | Quận 4 | Xây mới Diện tích 4.512,5 m2; Thu hồi 536,40m2; Di chuyển một phần 4 trường hợp | 2018-2021 | 3313/QĐ-UBND-TH 30/10/2017 | 31.905 | | | | 31.905 | | | | | | | | | | | 20.000 | | | | 20.000 |
| 2 | Xây dựng đường số 01 (từ đường Tôn Thất Thuyết đến Hẻm số 326 Đoàn Văn Bơ), Quận 4. | Quận 4 | Thu hồi 2.332,47 m2 đất của 53 tổ chức (di chuyển toàn bộ 11 hộ, di chuyển 1 phần 42 hộ, xây dựng đường với chiều dài 250m, chiều rộng 20m) | 2020-2021 | 3326/QĐ-UBND-TH 25/12/2019 | 49.772 | | | | 49.772 | | | | | | | | | | | 1.000 | | | | 1.000 |
| | **Công trình khởi công mới:** | | | | | **5.000** | | | | **5.000** | | | | | | | | | | | **3.000** | | | | **3.000** |
| 1 | Xây dựng mở rộng khuôn viên Trường Trung học cơ sở Tăng Bạt Hổ | Quận 4 | Diện tích sân, đường nội bộ, cây xanh: 377 m2; Chiều dài tường rào: 64,8 m | 2021-2023 | | 5.000 | | | | 5.000 | | | | | | | | | | | 3.000 | | | | 3.000 |
| | **Công trình chuẩn bị đầu tư:** | | | | | **5.000** | | | | **5.000** | | | | | | | | | | | **100** | | | | **100** |
| 1 | Xây dựng mở rộng khuôn viên Trường Trung học cơ sở Văn Đồn | Quận 4 | Phần diện tích còn lại chưa thu hồi và một số hạng mục còn lại chưa đầu tư | 2021-2023 | | 5.000 | | | | 5.000 | | | | | | | | | | | 100 | | | | 100 |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 4